

Bản án số: 292/2023/HS-PT
Ngày: 26/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Các Thẩm phán:

ông Nguyễn Chí Công,
ông Vũ Thanh Liêm,
bà Trần Thị Kim Liên.

- *Thư ký phiên tòa:* bà **Dương Thị Tuyết Trinh** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Lê Quang Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên toà trực tuyến tại điểm cầu trung tâm - trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần - trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định để xét xử công khai theo thủ tục phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 141/2023/TLPT-HS ngày 30/3/2023, đối với bị cáo Trần Thị T bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2023/HS-ST ngày 23/02/2023.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thị T, sinh năm 1970 tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: dịch vụ tàu cá; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đ và bà Võ Thị P (đã chết); có chồng là ông Ngô B, sinh năm 1968; có 02 con (lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1993); tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 28/12/2021 đến ngày 26/5/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của bị cáo: bà Trương Thị Cẩm H – Luật sư Văn phòng L4, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được Toà án triệu tập: bà Cao Thị T1, sinh năm 1985; địa chỉ: khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/11/2018, Bộ N1 ban hành Thông tư số 22/2018/TT-BNNPTNT (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2019), quy định về chức danh, định biên an toàn tối thiểu thuyền viên tàu cá phải có thuyền trưởng, máy trưởng, thợ máy và được cấp chứng chỉ theo chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục được Nhà nước quy định. Ngày 14/4/2020, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND-m (có hiệu lực kể từ ngày 24/4/2020) về việc thực hiện một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng thủy sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bình Định, quy định Sổ danh bạ thuyền viên đối với tàu cá có chiều dài từ 15m trở lên phải đăng ký đầy đủ các chức danh gồm: Thuyền trưởng, máy trưởng, thợ máy theo quy định của Thông tư nói trên mới được xuất bến hoạt động khai thác hải sản xa bờ. Do một số chủ tàu cá trên địa bàn thị xã H, tỉnh Bình Định chưa có đủ nhân sự đăng ký vào Sổ danh bạ thuyền viên để xuất bến đi biển theo quy định, nên để hợp thức hóa thủ tục, các chủ tàu này đã thông qua Trần Thị T (là người chuyên làm dịch vụ giấy tờ tàu cá như gia hạn đăng kiểm, mua bán bảo hiểm tàu cá) nhờ làm giả các loại chứng chỉ này.

Quá trình điều tra, Trần Thị T khai nhận: Vào khoảng cuối năm 2019, chị Huỳnh Thị M là vợ anh Cao Thanh P1 chủ tàu cá BĐ98182TS nhờ Trần Thị T đặt làm một chứng chỉ thợ máy giả đứng tên Đỗ Hồng V. Do T có quen biết với Cao Thị T1 và biết T1 có quen với đối tượng làm giả giấy tờ, tài liệu, nên đã điện thoại nhờ T1 làm chứng chỉ thợ máy giả. Sau đó, T1 báo lại cho T đồng ý nhận làm với giá 2.500.000 đồng, đồng thời yêu cầu cung cấp 01 bản CMND phô tô và 03 hình thẻ của người đứng tên chứng chỉ. T báo lại cho M thì M đồng ý và đã chuyển CMND phô tô và ảnh thẻ cùng với số tiền nói trên cho T để T đưa lại cho T1. Sau khi làm xong, T1 bảo T đến nhà lấy rồi giao cho M.

Với cách thức như trên, từ cuối năm 2019 đến năm 2020 T đã nhờ T1 làm giả 07 chứng chỉ thợ máy và 01 chứng chỉ máy trưởng cho một số chủ tàu cá. Cụ thể: Nguyễn Thị H1 (vợ của Đỗ Thành P2 chủ tàu cá BĐ98367TS) đặt làm một chứng chỉ thợ máy mang tên Nguyễn Minh S là thuyền viên trên tàu cá của Đỗ Thành P2 với giá 2.500.000 đồng; Nguyễn Văn H2 chủ tàu cá BĐ97967TS đặt làm một chứng chỉ thợ máy mang tên Phan Anh T2 là thuyền viên trên tàu cá của Nguyễn Văn H2 với giá 2.500.000 đồng; Huỳnh Văn L chủ tàu cá BĐ98329TS đặt làm một chứng chỉ thợ máy mang tên Huỳnh Chí L1 là thuyền viên trên tàu cá của Huỳnh Văn L với giá 2.500.000 đồng; Đào Thị Đ1 chủ tàu cá BĐ98455TS đặt làm một chứng chỉ thợ máy mang tên Trần T3 là thuyền viên trên tàu cá của Đào Thị Đ1 với giá 2.500.000 đồng; Trương Thị T4 (vợ Nguyễn Văn B1 chủ tàu BĐ97975TS) đặt làm một chứng chỉ thợ máy mang tên Hà Quang D là cháu của Trương Thị T4 với giá 2.000.000 đồng; Phạm Thị Xuân N (vợ của Phạm Hải c tàu BĐ98452TS) đặt làm một chứng chỉ máy trưởng mang tên Phạm L2 và thợ

máy mang tên Lê H3 là thuyền viên trên tàu cá của Phạm H4 với giá lần lượt là 2.500.000 đồng và 1.500.000 đồng. Tất cả các trường hợp nhờ làm giấy tờ giả nói trên đều thông qua T.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, điều tra về Cao Thị T1 và cho Trần Thị T đối chất với T1 để làm rõ vai trò và hành vi của T1 trong việc làm 08 chứng chỉ giả nêu trên. Tuy nhiên, T1 không thừa nhận hành vi giúp T làm chứng chỉ giả. Ngoài lời khai của T, Cơ quan điều tra không thu thập được chứng cứ, tài liệu nào khác để buộc T1 đồng phạm với T về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Do vậy, chỉ có căn cứ kết luận T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi làm 08 chứng chỉ giả cung cấp cho các chủ tàu và người thân chủ tàu cá, thu lợi bất chính 800.000 đồng. Hiện Cơ quan điều tra chỉ thu giữ 07 chứng chỉ giả, còn 01 chứng chỉ giả Tạo đã hủy đốt nên không thu giữ được.

Ngày 18/4/2022, V1 thuộc Trường đại học N2 có Công văn bản số 16/VKH&CNKTTS xác định 08 chứng chỉ nêu trên không do Cơ quan này cấp.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2023/HS-ST ngày 23/02/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt Trần Thị T 02 (hai) năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian bị bắt, tạm giam từ ngày 28/12/2021 đến ngày 26/5/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/3/2023, Trần Thị T có đơn kháng cáo cho rằng Cao Thị T1 là người nhận làm các chứng chỉ giả nhưng chỉ điều tra, truy tố, xét xử và kết án T là không thỏa đáng; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm kết án tù giam là nặng nên xin được hưởng án treo. Ngày 07/3/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định nhận được Đơn kháng cáo của bị cáo. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị T đề nghị cấp phúc thẩm xem xét áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 05/2023/HS-ST ngày 23/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/3/2023, bị cáo Trần Thị T có Đơn kháng cáo. Ngày 07/3/2023, Toà án nhân dân tỉnh Bình Định nhận được Đơn kháng cáo của bị cáo. Theo quy định tại khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Cao Thị T1 đã được Toà triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng có Đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy bà T1 đã có đầy đủ lời khai trong giai đoạn xét xử sơ thẩm; việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Toà án vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Xét nội dung kháng cáo:

[2.1]. Về tội danh: trong khoảng thời gian từ cuối năm 2019 đến đầu năm 2020, Trần Thị T đã nhận bản photocopy chứng minh nhân dân và ảnh thẻ giúp làm giả 08 chứng chỉ máy trưởng và thợ máy, tạo điều kiện để các chủ tàu không đủ điều kiện đi biển đối phó với quy định của Nhà nước. Bị cáo được hưởng lợi 800.000 đồng từ hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, xâm hại trực tiếp đến trật tự quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo nghề nghiệp, quản lý chứng chỉ, bằng cấp cũng như trong lĩnh vực khai thác thủy, hải sản, có đủ yếu tố cấu thành tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, việc Toà án cấp sơ thẩm kết án bị cáo về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt: bị cáo làm giả 08 chứng chỉ thuộc trường hợp “*Làm 06 con dấu, tài liệu... trở lên*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm. Toà án cấp sơ thẩm xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lời bất chính; thực hiện tội phạm với vai trò giúp sức; chồng bị cáo được Chủ tịch UBND huyện H (nay là thị xã H), tỉnh Bình Định tặng Giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới Quốc gia trong tình hình mới, nên đã áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 là áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ; chỉ xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là đã cân nhắc kỹ lưỡng tính chất, mức độ nguy hiểm, xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân người phạm tội. Do bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.3]. Về những vấn đề khác:

Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm, Trần Thị T khai sau khi nhận tiền, bản photocopy chứng minh nhân dân và ảnh thẻ của các đối tượng nhờ làm chứng chỉ giả, T đã chuyển cho Cao Thị Tuyết . Khi nhận lại các chứng chỉ giả từ T1, T được T1 cho lại tổng số 800.000 đồng. Tuy nhiên, lời khai của T trong quá trình giải quyết vụ án không thống nhất (có lúc T khai người làm giả là bà L3, có lúc lại khai người làm giả là T1). Ngoài lời khai của mình ra, T không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào khác. Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai và cho T1 đối chất với T, nhưng T1 đều bác bỏ việc nhận tiền và làm chứng chỉ giả cho T; Cơ quan điều tra cũng không thu thập được chứng cứ nào khác để chứng minh T1 đồng phạm với T. Sau khi trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhưng không có kết quả, Toà án cấp sơ thẩm đã tiến hành xét xử vụ án và viện dẫn quy định về giới hạn xét xử quy định tại khoản 1 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự để giải quyết vụ án là đúng. Do đó, Toà án cấp phúc thẩm thấy không có căn cứ để xem xét thêm về nội dung này.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 05/2023/HS-ST ngày 23/02/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Định.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt Trần Thị T 02 (hai) năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian bị bắt, tạm giam từ ngày 28/12/2021 đến ngày 26/5/2022.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, buộc bị cáo Trần Thị T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Bình Định;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Bình Định;
- Phòng HSNV CA tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THA dân sự tỉnh Bình Định;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Người có QL, NVLQ (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Chí Công